Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên
Ông Lee Sang Seok	Thành viên
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập
Ông Trần Văn Quân	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2020)
Ông Phó Đức Giang	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2020)

Ban Giám đốc

Ông Bạch Dương	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020)
Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2020)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N:0102850165-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Đôn Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc
(Thư ủy quyền số 803/2020/QĐ-HĐQT.ADG ngày 03 tháng 8 năm 2020)

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị.

M.S.D.N:0102850165-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Khánh Trình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0804 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Clever Group

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 11 năm 2020, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 chưa được soát xét.

M.S.D.N:0100112500-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - TP HÀ NỘI

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 11 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**286.793.541.090**	**153.681.166.015**
I.	**Tiền**	**110**	**4**	**10.514.433.379**	**16.331.264.620**
1.	Tiền	111		10.514.433.379	16.331.264.620
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5**	**139.443.785.783**	**76.380.354.335**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		139.443.785.783	76.380.354.335
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**113.154.893.102**	**60.335.764.216**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	67.032.790.096	48.136.372.918
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.797.832.284	4.611.571.511
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	4.000.000.000	3.500.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	35.972.289.018	4.639.842.606
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(648.018.296)	(552.022.819)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**23.287.821.704**	**-**
1.	Hàng tồn kho	141	11	23.287.821.704	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**392.607.122**	**633.782.844**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	334.094.037	532.346.707
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.509.521	159.091
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	57.003.564	101.277.046
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**100.925.047.907**	**57.249.627.558**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**41.247.472.980**	**667.127.500**
1.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	500.000.000	-
2.	Phải thu dài hạn khác	216	9	40.747.472.980	667.127.500
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**4.960.960.773**	**6.067.871.268**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.624.234.740	5.716.145.241
	- Nguyên giá	*222*		*12.341.852.455*	*12.341.852.455*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(7.717.617.715)*	*(6.625.707.214)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227		336.726.033	351.726.027
	- Nguyên giá	*228*		*400.000.000*	*400.000.000*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(63.273.967)*	*(48.273.973)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**14**	**45.855.616.468**	**8.504.095.553**
	- Nguyên giá	*231*		*45.855.616.468*	*8.504.095.553*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**-**	**14.193.965.568**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	14.193.965.568
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5**	**1.556.375.294**	**15.250.694.050**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.556.375.294	1.840.707.561
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	13.409.986.489
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**7.304.622.392**	**12.565.873.619**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.607.214.809	5.050.021.491
2.	Lợi thế thương mại	269	15	4.697.407.583	7.515.852.128
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**387.718.588.997**	**210.930.793.573**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**166.572.178.503**	**82.619.865.948**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**165.070.405.367**	**81.760.901.834**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	70.993.833.253	32.487.749.886
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	5.539.591.770	4.285.340.556
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	10.846.015.436	9.994.852.325
4.	Phải trả người lao động	314		1.860.995.488	4.110.056.605
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	583.533.903	2.420.992.806
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	75.246.435.517	28.461.909.656
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**1.501.773.136**	**858.964.114**
1.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	1.501.773.136	858.964.114
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**221.146.410.494**	**128.310.927.625**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	22	**221.146.410.494**	**128.310.927.625**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.003.330.000	74.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền	*411a*		*180.003.330.000*	*74.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		966.740.555	956.660.240
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.551.794.420	43.003.477.919
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*8.584.599.317*	*3.851.445.496*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ	*421b*		*20.967.195.103*	*39.152.032.423*
5.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		10.589.605.519	10.350.789.466
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**387.718.588.997**	**210.930.793.573**

Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Đỗ Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**	**01**		**248.330.920.271**	**229.950.033.119**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		833.364.605	-
3.	**Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**247.497.555.666**	**229.950.033.119**
4.	Giá vốn cung cấp dịch vụ	11		199.642.698.272	195.772.834.041
5.	**Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**47.854.857.394**	**34.177.199.078**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	9.172.744.820	2.742.849.144
7.	Chi phí tài chính	22	27	1.193.150.689	140.547.330
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.033.527.405*	*140.547.330*
7.	(Lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	24		(284.332.267)	-
8.	Chi phí bán hàng	25	28	9.761.055.575	7.128.502.349
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	17.854.527.259	9.060.734.943
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))**	**30**		**27.934.536.424**	**20.590.263.600**
11.	Thu nhập khác	31		1.034.618.502	3.066.237
12.	Chi phí khác	32		849.196.633	505.771.383
13.	**(Lỗ) khác (40=31-32)**	**40**		**185.421.869**	**(502.705.146)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**28.119.958.293**	**20.087.558.454**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	29	7.051.274.232	4.254.149.919
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	642.809.022	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**20.425.875.039**	**15.833.408.535**
17.1.	*Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ*	*61*		*20.967.195.103*	*17.309.808.681*
17.2.	*(Lỗ) sau thuế của Cổ đông không kiểm soát*	*62*		*(541.320.064)*	*(1.476.400.146)*
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	30	**1.260**	**1.596**

Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0102850165 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Đôn Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***28.119.958.293***	***20.087.558.454***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	3.925.355.040	1.381.147.834
	Các khoản dự phòng	03	95.995.477	718.101.908
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(154.374.019)	(1.597.441.992)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.493.206.014)	(2.291.500.798)
	Chi phí lãi vay	06	1.033.527.405	140.547.330
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***23.527.256.182***	***18.438.412.736***
	Thay đổi các khoản phải thu	09	(21.131.293.015)	(19.694.564.744)
	Thay đổi hàng tồn kho	10	(23.287.821.704)	20.330.071
	Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	41.296.658.437	(2.426.345.955)
	Thay đổi chi phí trả trước	12	2.641.059.352	153.190.416
	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.033.527.405)	(140.547.330)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.949.942.115)	(5.098.794.189)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***15.062.389.732***	***(8.748.318.995)***
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24.693.022.347)	(472.518.067)
2.	Tiền chi cho vay	23	(396.659.403.315)	(66.398.195.541)
3.	Tiền thu hồi cho vay	24	273.442.329.187	61.798.266.003
4.	Tiền thu lãi cho vay	27	8.726.990.622	4.973.788.531
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(139.183.105.853)***	***(98.659.074)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	71.594.230.000	-
2.	Tiền thu từ đi vay	33	164.256.993.041	-
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(117.472.467.180)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***118.378.755.861***	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(5.741.960.260)**	**(8.846.978.069)**
	Tiền đầu kỳ	**60**	**16.331.264.620**	**14.085.495.324**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(74.870.981)	(182.295)
	Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**10.514.433.379**	**5.238.334.960**

Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Đôn Nữ Đức Hiền
Phó Giám đốc

Ngày 05 tháng 11 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Quảng cáo Thông minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026173 ngày 04 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã giao dịch ADG từ ngày 26 tháng 12 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 255 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 192 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
	Công ty con				
1	Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2	Công ty Cổ phần Review Thông minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3	Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4	Công ty TNHH ADOP Việt Nam (i)	Việt Nam	40	100	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
5	Công ty Cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6	Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
7	Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hoá doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
8	Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, cổng thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2	Công ty cổ phần OMG Radio	Việt Nam	26,7	26,7	Dịch vụ quảng cáo

(i) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty TNHH ADOP Việt Nam, nhưng theo thỏa thuận ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa ADOP Inc. và Công ty, ADOP Inc. đã chuyển toàn bộ quyền biểu quyết tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mình cho Công ty chỉ cho mục đích quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm với thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc tại Công ty TNHH ADOP Việt Nam. Theo đó, do Công ty TNHH ADOP Việt Nam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty, khoản đầu tư vào Công ty TNHH ADOP Việt Nam được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 chưa được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở chuyển đổi báo tài chính của công ty con

Công ty PT CleverAds – Công ty con của Công ty sử dụng Rupiah (IDR) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Công ty theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty PT CleverAds cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 được lập bằng Rupiah (IDR) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo;

- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 9 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc

đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần góp vốn của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 2 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ từ 1 đến 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	385.736.374	566.188.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.128.697.005	15.765.076.427
	10.514.433.379	**16.331.264.620**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**139.443.785.783**	-	**89.790.340.824**	-
a1) Ngắn hạn	***139.443.785.783***	-	***76.380.354.335***	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	*44.896.227.798*	-	*27.743.334.247*	-
- Trái phiếu (ii)	94.547.557.985	-	48.637.020.088	-
Trái phiếu Công ty TNHH Sài Gòn Glory	*39.090.000.000*	-	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Thượng	*23.560.000.000*	-	*14.600.000.000*	-
Trái phiếu Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2	*8.000.000.000*	-	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần đầu Chứng khoán VNDirect	*5.000.000.000*	-	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	*6.890.000.000*	-	*10.692.100.000*	-
Trái phiếu Công ty Cổ Phần	*3.100.000.000*	-	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần năng lượng Bắc Hà	*5.899.929.350*	-	-	-
Trái phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn đất xanh	*3.007.628.635*	-	-	-
Trái phiếu Công ty Yamagata	-	-	*14.700.000.000*	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	-	-	*4.061.400.000*	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Châu	-	-	*2.600.000.000*	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần đầu tư BĐS Đông Dương	-	-	*1.983.520.088*	-
a2) Dài hạn	-	-	***13.409.986.489***	-
- Tiền gửi có kỳ hạn		-	1.600.000.000	-
- Trái phiếu	-	-	11.809.986.489	-

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
b. Đầu tư vào công ty liên	***1.843.000.000***	***1.556.375.294***	***1.843.000.000***	***1.840.707.561***
Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	1.756.000.000	1.469.375.294	1.756.000.000	1.753.707.561
Công ty Cổ phần OMG Radio	*87.000.000*	*87.000.000*	*87.000.000*	*87.000.000*

(i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm – 7,3%/năm.

(ii) Phản ánh trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 8,8%/năm – 11,5%/năm.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tiki	35.843.077.574	-
Revu Corporation Inc	3.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí và Thể thao Điện tử Việt Nam	3.445.436.063	3.122.025.187
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	3.322.634.897	2.085.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dược khoa Sài Gòn	3.191.832.967	-
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông	2.931.853.746	4.007.179.852
Công ty Cổ phần Đầu tư Vega Fintech	1.001.832.647	310.740.768
RMIT Việt Nam	-	776.949.133
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tân Hiệp Phát	-	1.165.159.077
Công ty TNHH The One Marketing Việt Nam	-	757.625.000
Công ty Cổ phần BE Group	-	4.608.648.000
Công ty TNHH GPAY Network Việt Nam	-	1.683.718.737
Đối tượng khác	13.446.122.202	29.619.327.164
	67.032.790.096	48.136.372.918
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	302.362.709	227.087.794

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng CIENCO 1	5.679.266.036	3.549.090.908
Các đối tượng khác	1.118.566.248	1.062.480.603
	6.797.832.284	4.611.571.511

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (i)	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần cMetric (ii)	500.000.000	-
	4.000.000.000	3.500.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Công nghệ Pihome (iii)	500.000.000	-
	500.000.000	-

(i) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có khoản phải thu về cho vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản phải thu về cho vay đầu kỳ đã nhận thanh toán toàn bộ trong kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần cMetric với lãi suất 5%/năm, kỳ hạn 2 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản cho vay Công ty Cổ phần Công nghệ Pihome với lãi suất 10%/năm, kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2020, Công ty có quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Pihome theo các điều khoản cụ thể của hợp đồng vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	33.523.595.341	193.095.000
Lãi dự thu trái phiếu có kỳ hạn	1.099.343.076	374.782.970
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	735.361.562	1.451.943.459
Lãi dự thu tiền cho vay	22.054.795	36.986.301
Phải thu khác	591.934.244	2.583.034.876
	35.972.289.018	**4.639.842.606**
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	40.747.472.980	667.127.500
	40.747.472.980	**667.127.500**

(i) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược chủ yếu là các khoản cầm cố tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2020 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 21. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 8,1%/năm và mã số CTG2028T2/02-119 với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 35.000.000.000, lãi suất 6,9%/năm.

- Tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á theo hợp đồng số 04,05,06/2016/HĐTG.Tlong với tổng giá trị cầm cố là 10.087.391.042 VND, và hợp đồng số 807058637200004-05 với tổng giá trị cầm cố là 15.000.000.000 VND, lãi suất 7,9%-8%/năm.

- Toàn bộ tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 7.916.608.238 VND, lãi suất dao động từ 6,5%-6,8%/năm.

- Tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Citibank với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 500.000.000 VND, lãi suất 4%/năm.

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Minh Thành Phát	195.949.280	-	195.949.280	195.949.280	-	195.949.280
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	89.444.768	-	89.444.768	89.444.768	-	89.444.768
Công ty TNHH Ila Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	66.734.809	-	66.734.809
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt	53.745.958	-	53.745.958	20.745.958	-	20.745.958
Công ty TNHH Gogala	50.913.079	-	50.913.079	50.913.079	-	50.913.079
Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường	45.100.000	-	45.100.000	45.100.000	-	45.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	41.454.545	-	41.454.545
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công trình nghỉ dưỡng S.P.A	31.350.000	-	31.350.000	31.350.000	-	31.350.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh	28.235.477	-	28.235.477	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trường Sa	23.760.000	-	23.760.000	-	-	-
Công ty TNHH Giáo dục Wisdomland	11.000.000	-	11.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Mum	10.330.380	-	10.330.380	10.330.380	-	10.330.380
	648.018.296	**-**	**648.018.296**	**552.022.819**	**-**	**552.022.819**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.287.821.704	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tiki	*19.767.528.284*	-	-	-
- Khác	*3.520.293.420*	-	-	-
	23.287.821.704	-	-	-

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	71.391.930	4.039.700
Chi phí thuê văn phòng trả trước	262.702.107	528.307.007
	334.094.037	**532.346.707**
b. Dài hạn		
Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.744.348.941	1.748.942.574
Chi phí sửa chữa văn phòng	856.175.701	513.231.175
Khác	6.690.167	2.787.847.742
	2.607.214.809	**5.050.021.491**

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	189.701.819	11.815.557.181	336.593.455	12.341.852.455
Số dư cuối kỳ	189.701.819	11.815.557.181	336.593.455	12.341.852.455
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	114.648.672	6.198.251.162	312.807.380	6.625.707.214
Khấu hao trong kỳ	35.569.089	1.041.511.868	14.829.544	1.091.910.501
Số dư cuối kỳ	150.217.761	7.239.763.030	327.636.924	7.717.617.715
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	75.053.147	5.617.306.019	23.786.075	5.716.145.241
Tại ngày cuối kỳ	39.484.058	4.575.794.151	8.956.531	4.624.234.740

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.506.927.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.506.927.000 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	8.504.095.553
Tăng trong kỳ	37.351.520.915
Số dư cuối kỳ	45.855.616.468
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	8.504.095.553
Tại ngày cuối kỳ	45.855.616.468

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại biệt thự LK4 - SL40, Lô TT96-9, khu đất phía Đông Nam dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và phần mở rộng khu B (Vinhomes Thăng Long) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 8.504.095.533 VND. Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp bất động sản này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

- Sàn dịch vụ thương mại tầng 1 tại tòa nhà Chung cư Bohemia, số 25 Nguyễn Huy Tưởng phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 14.193.965.568 VND.

- Biệt thự hình thành trong tương lai - Khu Biệt Thự Đảo tại khu đô thị Ecopark, huyện Văn lâm, tỉnh Hưng Yên có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 23.157.555.347 VND.

Do đây là các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao. Trong kỳ cũng không phát sinh bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ bị giảm giá so với giá thị trường.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị: VND

	Lợi thế thương mại
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm trước	-
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại) (i)	7.578.987.600
Số dư cuối kỳ	7.578.987.600
HAO MÒN	
Số dư đầu kỳ	63.135.472
Phân bổ trong kỳ	2.818.444.545
Số dư cuối kỳ	2.881.580.017
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ (Trình bày lại) (i)	**7.515.852.128**
Tại ngày cuối kỳ	**4.697.407.583**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Clever Group được phân bổ trong vòng 2 năm.

(i) Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh, khi các khoản điều chỉnh giá phí hợp nhất kinh doanh trở nên chắc chắn và giá trị điều chỉnh có thể xác định được một cách đáng tin cậy thì khoản xem xét bổ sung sẽ được coi là khoản điều chỉnh vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Trong 6 tháng đầu năm 2020, khoản nghĩa vụ Công ty phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Orion Media với số tiền là 2.148.000.000 VND đã được xác định một cách chắc chắn và đáng tin cậy. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị ghi nhận tăng thêm này và trình bày lại trên khoản mục "Lợi thế thương mại" đầu kỳ với số tiền tương ứng là 2.148.000.000 VND, chi tiết được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019 (Trình bày lại)	Tại ngày 31/12/2019 (Đã báo cáo)	Chênh lệch
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Nguyên giá lợi thế thương mại	7.578.987.600	5.430.987.600	2.148.000.000
Giá trị còn lại lợi thế thương mại	7.515.852.128	5.367.852.128	2.148.000.000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.003.564	-	-	57.003.564
Thuế thu nhập cá nhân	44.273.482	44.273.482	-	-
	101.277.046	44.273.482	-	57.003.564
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	4.528.943.910	33.983.822.060	33.407.186.516	5.105.579.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.910.506.399	7.051.274.232	6.949.942.115	5.011.838.516
Thuế thu nhập cá nhân	551.895.128	509.757.069	704.162.742	357.489.455
Các loại thuế khác	3.506.888	375.200.752	7.599.629	371.108.011
	9.994.852.325	41.920.054.113	41.068.891.002	10.846.015.436

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND		VND
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
Công ty TNHH Google Ireland	48.691.571.426	48.691.571.426	4.581.256.132	4.581.256.132
Công ty TNHH Facebook Ireland	19.475.018.825	19.475.018.825	19.449.044.730	19.449.044.730
Các đối tượng khác	2.827.243.002	2.686.807.123	8.457.449.024	8.457.449.024
	70.993.833.253	70.853.397.374	32.487.749.886	32.487.749.886

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Tài chính LGC	403.893.250	149.365.416
Đại học Quốc gia Hà Nội	332.332.000	541.217.600
Công ty Cổ phần tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt	311.107.500	-
Công ty TNHH Grab	253.956.625	313.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	253.549.505	-
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	42.920.617	568.831.860
Công ty Cổ phần Viện mắt Quốc tế Việt - Nga	-	1.801.800.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Việt	-	542.881.900
Công ty Cổ phần Tích hợp Dịch vụ số	-	174.900.000
Các đối tượng khác	3.941.832.273	192.843.780
	5.539.591.770	4.285.340.556

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	237.616.032	272.992.806
Phải trả về nghĩa vụ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (i)	300.000.000	2.148.000.000
Phải trả khác	45.917.871	-
	583.533.903	2.420.992.806

(i) Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh, khi các khoản điều chỉnh giá phí hợp nhất kinh doanh trở nên chắc chắn và giá trị điều chỉnh có thể xác định được một cách đáng tin cậy thì khoản xem xét bổ sung sẽ được coi là khoản điều chỉnh vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Trong 6 tháng đầu năm 2020, khoản nghĩa vụ Công ty phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Orion Media với số tiền là 2.148.000.000 VND đã được xác định một cách chắc chắn và đáng tin cậy. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị ghi nhận tăng thêm này và trình bày lại trên khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" đầu kỳ với số tiền tương ứng là 2.148.000.000 VND.

20. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.501.773.136	858.964.114
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.501.773.136	858.964.114

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (i)	23.466.222.064	23.466.222.064	100.310.534.550	60.921.659.031	62.855.097.583	62.855.097.583
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (ii)	-	-	16.304.102.256	8.845.413.965	7.458.688.291	7.458.688.291
Công ty Cổ phần Đầu tư mạo hiểm Thung lũng Việt	-	-	1.850.000.000	1.850.000.000	-	-
Dư nợ tín dụng						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	4.111.488.911	4.111.488.911	43.509.998.499	42.898.422.898	4.723.064.512	4.723.064.512
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	884.198.681	884.198.681	2.056.612.605	2.940.811.286	-	-
Citibank (iv)	-	-	225.745.131	16.160.000	209.585.131	209.585.131
	28.461.909.656	**28.461.909.656**	**164.256.993.041**	**117.472.467.180**	**75.246.435.517**	**75.246.435.517**

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 003/2020-HĐCVHM/NHCT140-CLEVERADS ký ngày 12 tháng 6 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 28.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2020, chịu lãi suất 3,8%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản mà Công ty đang nắm giữ với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 8.504.095.553 VND (xem Thuyết minh số 14), và được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140-CLEVERGROUP ký ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa Ngân hàng và Công ty có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 5.010.000.000 VND, và hợp đồng tiền gửi số 807058637200004-05 tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Thăng Long, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 15.000.000.000 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 9.

- Hợp đồng vay ngắn hạn số 02/2020-HĐCVTL/NHCT140-CLEVERAD GROUP ký ngày 25 tháng 9 năm 2020 với số tiền là 35.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 5%/ năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140-CLEVERGROUP ký ngày 24 tháng 09 năm 2020 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị ghi sổ của khoản trái phiếu này tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 35.000.000.000 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 9.

(ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 41303.19.061.5601569.TD ký ngày 09 tháng 12 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, chịu lãi suất 4,3%/năm. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số 04/2019/HĐTG.TLong; 05/2019/HĐTG.TLong và 06/2019/HĐTG.TLong tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Thăng Long, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 10.087.391.042 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 9.

(iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 7.750.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ sổ tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 7.916.608.238 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 9.

(iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ sổ tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 500.000.000 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 9.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn góp cổ phần	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	50.000.000.000	-	4.992.672.225	1.324.369.903	30.226.647.130	86.543.689.258
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	146.745.151	-	10.812.031.203	10.958.776.354
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				(1.170.683.721)		(1.170.683.721)
Số dư cuối kỳ trước	**50.000.000.000**	**-**	**5.139.417.376**	**153.686.182**	**41.038.678.333**	**96.331.781.891**
Số dư đầu kỳ này	74.000.000.000	-	10.350.789.466	956.660.240	43.003.477.919	128.310.927.625
Tăng vốn trong kỳ (i)	106.003.330.000	34.940.000	-	-	(34.444.040.000)	71.594.230.000
Trong đó:		-	-	-	-	
- Tăng vốn điều lệ (i)	*8.880.000.000*	*60.867.960.000*	-	-	-	
- Phát hành cổ phiếu ESOP (ii)	*1.846.270.000*	-	-	-	-	
-Chia cổ tức bằng cổ phiếu (iii)	*34.444.040.000*	-	-	-	*(34.444.040.000)*	
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (iv)	*60.833.020.000*	*(60.833.020.000)*	-	-	-	
Tăng do đầu tư vào công ty con (ii)	-	-	750.000.000	-	-	750.000.000
(Lỗ)/Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(541.320.064)	-	20.967.195.103	20.425.875.039
Giảm khác	-	-	(5.589.571)	-	25.161.398	19.571.827
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	35.725.688	10.080.315	-	45.806.003
Số dư cuối kỳ này	**180.003.330.000**	**34.940.000**	**10.589.605.519**	**966.740.555**	**29.551.794.420**	**221.146.410.494**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 17 tháng 01 năm 2020, Công ty đã thông qua một số nội dung sau:

- Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ trị giá 8.880.000.000 VND với mục đích phục vụ hoạt động mua bán sáp nhập, đầu tư vào doanh nghiệp tiềm năng cũng như bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần với giá trị 60.867.960.000 VND với mục đích tăng vốn cổ phần.

- Phát hành cổ phiếu trị giá 1.852.770.000 VND với mục đích động viên, đãi ngộ người lao động trong Công ty.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán 888.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho nhà đầu tư Yello Digital Marketing Global Pte. Ltd với giá bán 78.545 VND/cổ phiếu. Tổng số tiền thu thực tế từ việc chào bán cổ phiếu là 69.748.153.846 VND, chênh lệch với số tiền thu dự kiến 193.846 VND do chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào thu nhập khác của Công ty. Theo thông báo số 237/TB-SNDHN ngày 25 tháng 3 năm 2020 từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 888.000 cổ phiếu trên căn cứ theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHN ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

(ii) Ngày 10 tháng 7 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 184.627 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) trong Công ty với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 1.846.270.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 17 tháng 01 năm 2020.

(iii) Ngày 17 tháng 7 năm 2020, Công ty đã phát hành 3.444.404 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định Hội đồng Quản trị số 08/2020/QĐ-HĐQT.ADG ngày 17 tháng 5 năm 2020.

(iv) Ngày 17 tháng 7 năm 2020, Công ty đã phát hành 6.083.302 cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần theo phương thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định Hội đồng Quản trị số 08/2020/QĐ-HĐQT.ADG ngày 17 tháng 5 năm 2020.

Theo thông báo số 895/TB-SNDHN ngày 03 tháng 9 năm 2020 từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu từ các đợt phát hành (ii), (iii) và (iv) với tổng số là 9.712.333 cổ phiếu trên căn cứ theo Quyết định số 455/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 180.003.330.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 74.000.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	%	VND	VND
Yello Digital Marketing Global Pte. LTD	72.399.520.000	40.2%	72.399.520.000	24.794.200.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	47.885.710.000	26.6%	47.885.710.000	22.242.920.000
CyberAgent Capital Inc.	1.510.760.000	0.8%	1.510.760.000	1.111.820.000
Ông Dư Khắc Châu	1.603.960.000	0.9%	1.603.960.000	740.000.000
Các cổ đông khác	56.603.380.000	31.4%	56.603.380.000	25.111.060.000
	180.003.330.000	**100%**	**180.003.330.000**	**74.000.000.000**

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.333	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.333	7.400.000
Cổ phiếu phổ thông	*18.000.333*	*7.400.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.333	7.400.000
Cổ phiếu phổ thông	*18.000.333*	*7.400.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	97.426	1.125

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và nước ngoài. Trong kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó Công ty không có báo cáo tài chính bộ phận giữa niên độ theo khu vực địa lý cần phải được trình bày.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	870.234.785	156.248.468
Chi phí nhân công	21.265.260.224	13.476.320.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	3.228.311.919	781.189.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.284.802.467	197.541.144.785
Chi phí khác bằng tiền	609.671.711	7.167.690
	227.258.281.106	**211.962.071.333**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	8.720.037.325	2.742.849.144
Lãi chênh lệch tỷ giá	452.707.495	-
	9.172.744.820	**2.742.849.144**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.003.394.909	140.547.330
Dự phòng giảm giá đầu tư	189.755.780	-
	1.193.150.689	**140.547.330**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	6.566.594.868	2.944.940.531
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.657.143	156.248.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế	1.134.847.880	784.472.577
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	56.760.000	410.513.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.966.486.517	4.762.786.373
Chi phí khác bằng tiền	46.180.851	1.773.182
	17.854.527.259	**9.060.734.943**
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	9.540.462.591	6.976.867.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.414.243	146.240.331
Chi phí khác bằng tiền	14.178.741	5.394.507
	9.761.055.575	**7.128.502.349**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.051.274.232	4.287.460.800
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**7.051.274.232**	**4.287.460.800**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	28.119.958.293	20.087.558.454
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*1.836.340.760*	*283.355.436*
Trừ: Thu nhập không được tính thuế	*(160.287.273)*	
Ảnh hưởng hợp nhất báo cáo tài chính	5.460.359.380	1.066.390.115
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	35.256.371.160	21.437.304.005
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	*35.256.371.160*	*21.437.304.005*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.051.274.232**	**4.287.460.800**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con	642.809.022	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**642.809.022**	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, cụ thể như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	20.967.195.103	17.309.808.681
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.967.195.103	17.309.808.681
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	16.643.645	10.844.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	**1.260**	**1.596**

(i) Số liệu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 được trình bày lại do ảnh hưởng của sự kiện Công ty tăng vốn điều lệ lên 180.033.330.000 VND bằng việc phát hành thêm 3.444.404 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông tương ứng với

34.444.040.000 VND ngày 17 tháng 7 năm 2020 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 27 tháng 4 năm 2020.

	Số đã báo cáo	Số đã điều chỉnh so với số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	17.309.808.681	-	17.309.808.681
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	17.309.808.681	-	17.309.808.681
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.844.404	10.844.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.462**		**1.596**

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 520 m^2 văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m^2/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2019.

- Tổng số tiền thuê 407,5 m^2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m^2/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2019.

- Tổng số tiền thuê 80,24 m^2 văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132-136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.600/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2020.

- Tổng số tiền thuê 108 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.952.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 16 tháng 7 năm 2020.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Khánh Trình	Cổ đông chính
Yello Digital Marketing Global Pte. Ltd	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Kho ứng dụng Thông minh	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
ClerverAds Philippines Corporation	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần JobsGO	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Mạo hiểm Thung lũng Việt	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt
BEHAVE GLOBAL INC.	Cùng cổ đông chính và/hoặc thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	**3.010.260.692**	**8.358.605.216**
CleverAds Philippines Corporation	842.824.772	7.710.038.041
Công ty Cổ phần JobsGo	909.444.150	536.870.924
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	711.008.869	111.696.251
BEHAVE GLOBAL INC.	546.982.901	-
Nhận tiền vay	**1.850.000.000**	**6.700.000.000**
Ông Nguyễn Khánh Trình	-	6.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Mạo hiểm Thung lũng Việt	1.850.000.000	-
Trả gốc vay	**1.850.000.000**	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Mạo hiểm Thung lũng Việt	1.850.000.000	-
Nhận vốn góp	**70.647.960.000**	-
Yello Digital Marketing Global Pte. Ltd	69.747.960.000	-
Nguyễn Khánh Trình	900.000.000	-
Mua hàng	**76.284.328**	**65.835.779**
Công ty Cổ phần JobsGo	1.869.000	9.000.000
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	74.415.328	56.835.779

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng	**302.362.709**	**227.087.794**
Công ty Cổ phần JobsGo	302.362.709	195.635.283
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	-	31.452.511

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.409.200.000	1.019.240.000
	1.409.200.000	1.019.240.000

33. THÔNG TIN KHÁC

Trong quý một năm 2020, dịch COVID-19 bắt nguồn tại Trung Quốc đã lan rộng sang nhiều quốc gia, gây ảnh hưởng trên diện rộng, tạo ra nhiều thách thức cho các ngành công nghiệp cũng như xã hội. Công ty đã đánh giá tác động tổng thể của tình hình dịch bệnh đối với hoạt động Công ty và thực hiện tất cả các biện pháp có thể để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nhân viên và các hoạt động của Công ty. Công ty đang liên tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.

Nguyễn Thị Hồi	Đôn Nữ Đức Hiền
Người lập biểu/Kế toán trưởng	Phó Giám đốc
	Ngày 05 tháng 11 năm 2020